

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 và Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 175/2024/QH15 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thành phố Huế đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND của HĐND thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thành phố Huế đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7058/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 11 năm 2025;

UBND thành phố ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 và Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế).

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 06/2020/QĐ-UBND NGÀY 22 THÁNG 01 NĂM 2020 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ (NAY LÀ THÀNH PHỐ HUẾ)

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

“Điều 4. Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn và khoản 1, 2, 3 Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.”

Điều 2. Sửa đổi tên Điều 8 và bổ sung khoản 8, 9, 10 vào Điều 8

“Điều 8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

8. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quy định, kế hoạch bảo vệ môi trường làng nghề; nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến công nghệ thân thiện với môi trường, hạn chế phát sinh chất thải, hạn chế hình thành và phát triển các loại hình có tiềm năng gây ô nhiễm môi trường cao.

9. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành đến các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề.

10. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề của xã/phường.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10

“Điều 10. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí vốn từ nguồn ngân sách nhà nước, các chương trình, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động phát triển ngành nghề nông thôn theo quy định.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 12

“Điều 12. Sở Công Thương

1. Xây dựng, trình ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện tại địa phương. Phối hợp Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công của Bộ Công Thương tổ chức, tham gia các hoạt động bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp. Chủ trì xây dựng kế hoạch bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình và tổ chức hướng dẫn, thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, hợp tác xã ngành Công Thương, làng nghề tiểu thủ công nghiệp sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức các hội thi về thủ công mỹ nghệ nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ.”

Điều 5. Bổ sung khoản 4 Điều 13

“4. Tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về Quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống của Ủy ban nhân dân thành phố.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 18

“Điều 18. Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn. Giao Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn.

2. Xây dựng kế hoạch, tổng hợp dự toán kinh phí phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn vào dự toán ngân sách hàng năm của Ủy ban nhân dân xã, phường.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn và định hướng bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; định kỳ 05 năm một lần, rà soát, thống kê, phân loại, lập kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

4. Lập, triển khai phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề trên địa bàn (theo quy định tại Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường).

5. Hàng năm lập danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đảm bảo hoặc không đảm bảo tiêu chí gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố cấp hoặc thu hồi bằng công nhận.

6. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 20

“Điều 20. Các sở, ngành, tổ chức liên quan

Các sở, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện:

1. Các chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề, giải quyết việc làm để phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy định về lao động, an toàn vệ sinh lao động để phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo hiểm xã hội để phát triển ngành nghề nông thôn.

4. Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, phối hợp thẩm định đề xuất các chính sách, bố trí nguồn kinh phí hàng năm để hỗ trợ làng nghề, làng nghề truyền thống phát triển.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc khó khăn, các địa phương, cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kịp thời trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung.”

Điều 8. Thay thế một số cụm từ và bãi bỏ một số điều

1. Thay thế cụm từ “tỉnh Thừa Thiên Huế” bằng cụm từ “thành phố Huế” tại Điều 1, Điều 19 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ - UBND.

2. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân thành phố” tại khoản 2 Điều 2; khoản 1 Điều 6; khoản 2, 3, 4, 5 Điều 8; khoản 2, 3 Điều 15 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND.

3. Thay thế cụm từ “trên địa bàn tỉnh” bằng cụm từ “trên địa bàn thành phố” tại khoản 2, 3 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ - UBND.

4. Thay thế cụm từ “các huyện, thị xã và thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường”

5. Thay thế cụm từ “Hội Nông dân tỉnh” bằng cụm từ “Hội Nông dân thành phố” tại Điều 17 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND.

6. Thay thế cụm từ “Báo Thừa Thiên Huế, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh” bằng cụm từ “Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế”.

7. Bãi bỏ Điều 9, Điều 11, Điều 14; bãi bỏ cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại khoản 5 Điều 8; bãi bỏ cụm từ “Sở Thông tin và Truyền thông” tại Điều 19 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 67/2021/QĐ-UBND NGÀY 12 THÁNG 11 NĂM 2021 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH NGÀNH HÀNG, SẢN PHẨM QUAN TRỌNG CẦN KHUYẾN KHÍCH, ƯU TIÊN HỖ TRỢ THỰC HIỆN LIÊN KẾT GẮN SẴN XUẤT VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP VÀ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ LIÊN KẾT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ (NAY LÀ THÀNH PHỐ HUẾ) GIAI ĐOẠN 2021-2025

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

“**Điều 1.** Quy định các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố Huế, giai đoạn 2021-2025 *(phụ lục kèm theo)*.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 2

“Điều 2. Thẩm quyền, trình tự thủ tục phê duyệt hỗ trợ liên kết

Thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thành phố Huế đến năm 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND.”

Điều 11. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ

1. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân thành phố Huế”; “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”; “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường” tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 67/2021/QĐ - UBND.

2. Bãi bỏ cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 67/2021/QĐ - UBND.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 12 năm 2025.
2. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND các xã, phường và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Thường vụ Thành ủy;
- HĐND, TT HĐND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố Huế;
- VP: LĐ và các CV: TH, TC, XH;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hải Minh

Phụ lục**DANH MỤC CÁC NGÀNH HÀNG, SẢN PHẨM KHUYẾN KHÍCH,
ƯU TIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 98/2018/NĐ-CP***(Ban hành Kèm theo Quyết định số 130/2025/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025
của UBND thành phố Huế)*

TT	Danh mục
I	Trồng trọt
1	Cây lương thực
1.1	Lúa: Giống lúa, lúa thương phẩm nhóm chất lượng (<i>ưu tiên lúa sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ và Global AP</i>).
1.2	Nếp các loại: Nếp giống, nếp thương phẩm.
1.3	Ngô: Ngô giống, ngô thương phẩm.
2	Cây có bột
2.1	Khoai lang.
2.2	Sắn.
3	Cây công nghiệp ngắn ngày
3.1	Lạc (đậu phụng): Lạc giống, lạc thương phẩm.
4	Cây rau, củ quả: Các loại rau ăn lá, củ, quả (<i>sản xuất đạt tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP, hữu cơ</i>).
5	Cây dược liệu: Theo danh mục 12 loài cây dược liệu ưu tiên phát triển theo Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Đề án Phát triển vùng nguyên liệu và các sản phẩm dược liệu gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.
6	Cây ăn quả: Chuối, Mít, Thơm, Bưởi (đỏ, cốm, da xanh,...), Thanh Trà, cam, quýt, chanh, sầu riêng.
7	Cây khác: Cây sen.
8	Nấm: Nấm dược liệu, nấm thực phẩm.
II	Chăn nuôi
1	Gia súc: Bò, lợn.
2	Gia cầm: Gà (thịt, trứng), vịt (thịt, trứng).
III	Thủy sản

1	Nhóm giáp xác: Cua, tôm sú, tôm thẻ.
2	Các loại cá: Cá trắm, thác lác, chình, dìa, nâu, đoi, chẻm, mú, vầu, hồng mỹ, điêu hồng, rô phi, kinh, bớp, tầm.
3	Nhóm động vật thân mềm: Sò huyết, hào, ốc hương.
IV	Động vật lưỡng cư: Ếch.